

Bản tin Pháp chế

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



	Trong số này:	Trang
	I. Quy định mới	2
	 Những văn bản pháp lý ban hành trong tháng 8 năm 2017	
	II. Điểm tin văn bản pháp luật	3
	 Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và tổ chức thi nâng ngạch công chức  Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18/8/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập  Quyết định số 1267/QĐ-TTg ngày 25/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương giai đoạn 2016- 2020  Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 04/8/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định hệ số K điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất khi bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	
	III. Công văn giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ	7
	 Công văn số 3758/BHXXH-TT ngày 24/8/2017 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc tăng cường công tác tuyên truyền chính sách Bảo hiểm xã hội  Công văn số 3468/TCT-CS ngày 04/8/2017 của Tổng Cục thuế về việc thu tiền thuê đất	
	IV. Danh mục văn bản nội bộ	9

QUY ĐỊNH MỚI

1. Lao động tiền lương	4. Bất động sản
Thông tư số 05/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và tổ chức thi nâng ngạch công chức	Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy định hệ số K điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất khi bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
2. Giáo dục	5. Bảo hiểm
Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập	Công văn số 3758/BHXXH-TT của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc tăng cường công tác tuyên truyền chính sách Bảo hiểm xã hội
3. Đầu tư	6. Thuế, phí, lệ phí
Quyết định số 1267/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương giai đoạn 2016- 2020	Công văn số 3468/TCT-CS của Tổng Cục thuế về việc thu tiền thuê đất

ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Thông tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và tổ chức thi nâng ngạch công chức

Ngày 15/8/2017, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 05/2017/TT-BNV về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và tổ chức thi nâng ngạch công chức

Theo đó, Thông tư số 05/2017/TT-BNV có sửa đổi, bổ sung một số điều đáng chú ý như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm h, điểm i khoản 3 và điểm b, điểm c, điểm đ khoản 4 Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BNV về tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp như sau:

"3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

h) Đối với công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp thì trong thời gian giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương đã chủ trì xây dựng, thẩm định ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Cụ thể như sau:

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì phải thành lập Ban soạn thảo thì

phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng của người có thẩm quyền.

Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: dự án Luật, Nghị quyết của Quốc hội, dự án Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước; Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

i) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc cử nhân chính trị hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương".

2. Bổ sung Điều 9a vào Thông tư số 11/2014/TT-BNV quy định về bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức chuyên ngành hành chính như sau:

"Điều 9a. Bổ nhiệm ngạch và xếp lương

1. Công chức được bổ nhiệm vào các ngạch công chức chuyên ngành hành chính quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV được áp dụng bảng lương tương ứng ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công

chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP) như sau:

a) Áp dụng Bảng 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) đối với các ngạch công chức sau:

Ngạch chuyên viên cao cấp áp dụng công chức loại A3 (nhóm 1);

Ngạch chuyên viên chính áp dụng công chức loại A2 (nhóm 1);

Ngạch chuyên viên áp dụng công chức loại A1;

Ngạch cán sự áp dụng công chức loại A0;

Ngạch nhân viên áp dụng công chức loại B.

b) Áp dụng Bảng 4 (Bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp của nhà nước) đối với ngạch nhân viên lái xe cơ quan.

2. Cách chuyển ngạch và xếp lương đối với công chức đang giữ các ngạch công chức chuyên ngành hành chính (cũ) theo quy định tại Quyết định số 414/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành hành chính sang các ngạch công chức chuyên ngành hành chính (mới) quy định tại Thông tư 11/2014/TT-BNV như sau:

a) Đối với ngạch chuyên viên cao cấp, ngạch chuyên viên chính và ngạch chuyên viên:

Công chức đã được bổ nhiệm ở ngạch nào thì tiếp tục xếp lương theo ngạch đó.

b) Đối với ngạch cán sự:

Công chức tốt nghiệp trình độ cao đẳng phù hợp với vị trí công việc đang làm thì được bổ nhiệm vào ngạch cán sự (mới), nếu đang xếp lương theo công chức loại A0 ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì tiếp tục xếp lương theo công chức loại A0 đó; nếu đang xếp lương theo công chức loại B ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì được xếp lại lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Trường hợp công chức chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng phù hợp với vị trí công việc đang làm nhưng đã được bổ nhiệm vào ngạch cán sự (cũ) và đang xếp lương theo công chức loại B ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì tiếp tục xếp lương theo công chức loại B đó trong thời hạn 06 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Trong thời hạn 06 năm này, cơ quan sử dụng công chức phải bố trí

cho công chức học tập nâng cao trình độ để đủ tiêu chuẩn của ngạch cán sự (mới); khi công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở ngạch cán sự (mới) thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức để xem xét, quyết định bổ nhiệm vào ngạch cán sự (mới). Trường hợp công chức được cử đi học tập nâng cao trình độ mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức xem xét bố trí lại công việc cho phù hợp với trình độ đào tạo hoặc thực hiện tinh giản biên chế.

c) Đối với ngạch nhân viên:

Đối với các đối tượng đảm nhiệm vị trí công việc thừa hành, phục vụ đã được tuyển dụng vào làm công chức theo quy định của pháp luật, có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên và đang xếp lương theo công chức loại B ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì được bổ nhiệm vào ngạch nhân viên (mới) và tiếp tục được xếp lương theo công chức loại B đó. Riêng đối với nhân viên lái xe cơ quan thì phải có bằng lái xe được cơ quan có thẩm quyền cấp và tiếp tục xếp lương nhân viên lái xe của Bảng 4 (Bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

Trường hợp công chức chưa có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp với vị trí công việc đang làm thì tiếp tục được xếp lương theo ngạch nhân viên hiện hưởng của Bảng 4 (Bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP trong thời hạn 06 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Trong thời hạn 06 năm này, cơ quan sử dụng công chức phải bố trí cho công chức học tập nâng cao trình độ để đủ tiêu chuẩn của ngạch nhân viên (mới); khi công chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện ở ngạch nhân viên (mới) thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức để xem xét, quyết định bổ nhiệm vào ngạch nhân viên (mới). Trường hợp công chức được cử đi học tập nâng cao trình độ mà không tham gia học tập hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan sử dụng công chức báo cáo cơ quan quản lý công chức xem xét thực hiện tinh giản biên chế.

3. Đối với nhân viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp thì xếp lương theo Bảng 4 (Bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP".

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 16 Thông tư số 13/2010/TT-BNV như sau:

“Điều 16. Hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức

2. Cơ quan quản lý công chức chịu trách nhiệm xem xét, quyết định danh sách công chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của công chức tham dự kỳ thi”.



Hiệu lực thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

2. Đối với các kỳ thi nâng ngạch công chức thực hiện theo Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức đã được Bộ Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Trung ương thống nhất thì tiếp tục thực hiện việc tổ chức thi theo Đề án đã được phê duyệt. Trường hợp đến ngày 01 tháng 10 năm 2017 mà cơ quan quản lý công chức chưa tổ chức thi thì áp dụng theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư về việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập

Ngày 18/8/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT về việc quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm

Theo đó, Thông tư có một số nội dung đáng chú ý như sau:

1. Giáo viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện bao gồm:

- Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

- Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở công lập; Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học phổ thông công lập.

Giáo viên dự bị đại học khi áp dụng Thông tư này để dự thi thăng hạng phải có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên dự bị đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Giáo viên tham dự kỳ thi thăng hạng đều phải tham dự 4 môn thi: kiến thức chung, chuyên môn, nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ (trừ những trường hợp được miễn thi ngoại ngữ và tin học).

Việc thi chuyên môn, nghiệp vụ đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên I được thực hiện theo hình thức thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp. Giáo viên dự thi chuẩn bị báo cáo theo hướng dẫn về nội dung thi, thuyết trình (tối đa 15 phút) và tham gia phỏng vấn trực tiếp (tối đa 15 phút).

Những nội dung còn lại sẽ có các hình thức thi khác nhau (tự luận/trắc nghiệm/kết luận giữa tự luận và trắc nghiệm/thực hành...). Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi thăng hạng quyết định lựa chọn hình thức thi phù hợp.

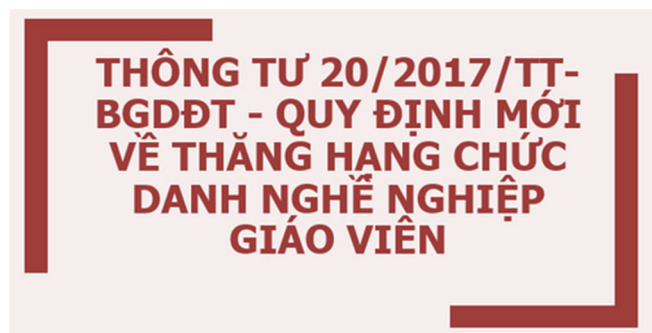
3. Điều khoản thi hành:

- Giáo viên trong các cơ sở giáo dục tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chưa yêu cầu điều kiện về thời gian giữ hạng liền kề hạng dự thi gần nhất tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên.

Trong thời hạn tối đa 01 (một) năm kể từ ngày công bố kết quả thi thăng hạng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng giáo viên có trách nhiệm cử giáo viên đã tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi.

Trường hợp giáo viên được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

- Giáo viên trong các cơ sở giáo dục tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư này.



Hiệu lực thi hành: Thông tư này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 10 năm 2017 và thay thế Thông tư số 34/2010/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về nội dung, hình thức thi nâng ngạch giáo viên trung học cao cấp.

Quyết định về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương giai đoạn 2016-2020

Ngày 25/8/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1267/QĐ-TTg về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương giai đoạn 2016-2020

Theo đó, chương trình có một số mục tiêu, cụ thể như sau:

- Mục tiêu tổng quát: Hỗ trợ đầu tư các cơ sở y tế công lập tại địa phương thuộc quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ

khám và chữa bệnh đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

- Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

+ Góp phần đạt chỉ tiêu 26,5 giường bệnh/10.000 dân.

+ Tiếp tục tập trung đầu tư, hoàn thành 64 dự án chuyển tiếp đã được đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng chưa hoàn thành do thiếu vốn và triển khai thực hiện tối thiểu 28 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020 và tăng lên khi được bổ sung nguồn ngân sách trung ương nhưng tối đa không quá 52 dự án

Tổng vốn thực hiện Chương trình là 19.829 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 22.500 tỷ đồng), trong đó vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương là 2.389 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 5.060 tỷ đồng); vốn ODA và viện trợ 4.940 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương và xã số kiến thiết 10.000 tỷ đồng; nguồn vốn khác 2.500 tỷ đồng

Chương trình có 3 dự án thành phần, trong đó:

+ Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học hiện đại, thực hiện Đề án giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020.

+ Dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở khám chữa bệnh y học cổ truyền, góp phần thực hiện Đề án đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống bệnh viện y học cổ truyền giai đoạn 2014 - 2025.

+ Dự án 3: Hỗ trợ đầu tư các cơ sở y tế ven biển, trên đảo thực hiện Đề án phát triển hệ thống y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2020.



Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định về việc quy định hệ số K điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất khi bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 04/8/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND về việc quy định hệ số K điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất khi bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

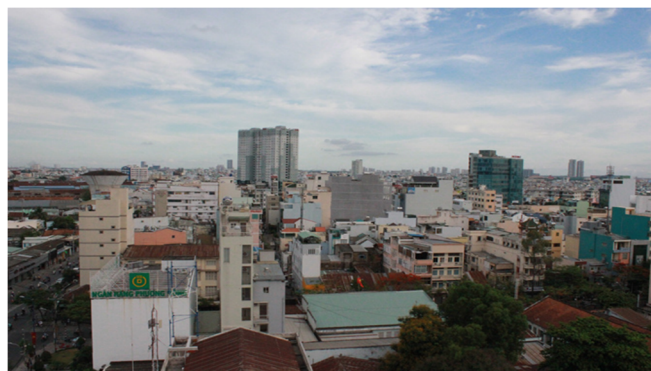
Theo Quyết định này, nhà ở riêng lẻ có khả năng sinh lợi cao tại vị trí mặt đường, phố trên địa bàn Thành phố là:

Nhà ở một tầng hoặc nhiều tầng có một hộ gia đình hoặc một cá nhân sử dụng có vị trí mặt tiền đường và khi bán nhà đối với diện tích đất ở của căn nhà sẽ được tính toán và công nhận là đất ở sử dụng riêng (không có phần diện tích sử dụng chung hoặc chồng lấn).

Hoặc trường hợp nhà ở một tầng hoặc nhiều tầng có nhiều hộ gia đình hoặc nhiều cá nhân sử dụng để ở có vị trí mặt tiền đường thì đối với phần diện tích đất ở do một hộ gia đình hoặc một cá nhân sử dụng có vị trí mặt tiền đường, đã được ngăn chia riêng biệt (không có phần diện tích sử dụng chung hoặc chồng lấn) và khi bán nhà, đối với phần diện tích đất ở này sẽ được tính toán và công nhận là đất ở sử dụng riêng thì phần diện tích nhà, đất do hộ gia đình này hoặc cá nhân này sử dụng được xem là nhà ở riêng lẻ có khả năng sinh lợi cao tại vị trí mặt đường, phố.

- Đối với nhà ở riêng lẻ có khả năng sinh lợi cao tại vị trí mặt đường, phố, nằm trên thửa đất có một cạnh hoặc tổng các cạnh tiếp giáp mặt tiền đường lớn hơn hoặc bằng 3m thì áp dụng hệ số K điều chỉnh giá đất là một phẩy hai (1,2) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố.

- Đối với nhà ở riêng lẻ có khả năng sinh lợi cao tại vị trí mặt đường, phố, nằm trên thửa đất có một cạnh hoặc tổng các cạnh tiếp giáp mặt tiền đường nhỏ hơn 3m thì áp dụng hệ số K điều chỉnh giá đất là một (1,0) lần giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố.



Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/8/2017.

CÔNG VĂN GIẢI ĐÁP, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ

Công văn số 3758/BHXH-TT ngày 24/8/2017 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc tăng cường công tác tuyên truyền chính sách Bảo hiểm xã hội

Để người lao động hiểu rõ hơn về lợi ích của việc tham gia BHXH cũng như việc bảo lưu, tích lũy thời gian tham gia BHXH để hưởng chế độ hưu trí, đảm bảo an sinh bền vững; đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của người sử dụng lao động trong việc đảm bảo quyền lợi tham gia BHXH đối với người lao động, BHXH Việt Nam yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp về tình trạng này; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh các hoạt

động tuyên truyền chính sách Bảo hiểm xã hội với nội dung:

- Những quy định mới của Luật BHXH năm 2014 áp dụng từ ngày 01/01/2018 và tác động của nó đối với đời sống xã hội, bao gồm: phạm vi mở rộng đối tượng tham gia, việc thay đổi cách tính lương hưu, tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người tham gia BHXH tự nguyện;

- Đi sâu phân tích lợi ích thiết thực của việc tham gia BHXH, tích lũy thời gian tham gia BHXH thông qua việc tiếp tục tham gia BHXH bắt buộc hoặc tự nguyện cho đủ điều kiện để hưởng lương hưu cũng như những bất lợi mà người lao động phải gánh chịu khi nhận BHXH một lần;

- So sánh, làm rõ những ưu điểm vượt trội của việc tham gia BHXH để hưởng lương hưu với tham gia bảo hiểm thương mại hoặc gửi tiền tiết kiệm.

* Đơn cử như việc so sánh BHXH với BH nhân thọ (trích theo Tài liệu ban hành kèm theo công văn số 3758/BHXH-TT ngày 24/8/2017 :

- Thứ nhất, sự khác biệt lớn nhất là ở mục đích: BHXH là loại hình bảo hiểm phi lợi nhuận, còn bảo hiểm nhân thọ nhằm mục đích là sinh lời. Như vậy, khoản lời của bảo hiểm nhân thọ được lấy từ chính tiền của người tham gia. Cần lưu ý là thù lao cho đại lý của bảo hiểm nhân thọ là rất lớn (từ 20 đến 25% trong năm đầu và giảm dần trong các năm về sau nhưng không dưới 5%).

- Thứ hai, về điều kiện, mức phí tham gia: Đối tượng tham gia BHXH là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên và không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc với mức đóng xác định trước là 22% vào quỹ hưu trí, tử tuất. Nhưng đối với bảo hiểm nhân thọ, mặc dù nhìn thoáng qua các gói quyền lợi thì thấy có vẻ hấp dẫn nhưng họ đặt ra điều kiện khá ngặt nghèo về tuổi đời, sức khỏe tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm để giảm thiểu rủi ro.

- Thứ ba, về quyền lợi:

+ Tiền đóng vào quỹ BHXH đều được điều chỉnh tăng tương ứng với chỉ số giá tiêu dùng từng năm (CPI) theo quy định của Chính phủ được công bố tại năm mà người tham gia hưởng chế độ (chỉ số CPI tăng bình quân 8,1%/năm, tính từ năm 2008 đến nay). Còn bảo hiểm nhân thọ thì tính theo lãi suất thị trường;

+ Người đang tham gia BHXH khi chết hoặc bị thương tật vì bất cứ lý do gì thì thời gian đã đóng BHXH đều được ghi nhận để tính hưởng BHXH. Còn đối với bảo hiểm nhân thọ có quy định doanh nghiệp không phải trả tiền bảo hiểm trong một số trường hợp (chết do tự tử trong thời hạn hai năm kể từ ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm tiếp tục có hiệu lực; chết hoặc bị thương tật vĩnh viễn do lỗi cố ý của bên mua bảo hiểm hoặc lỗi cố ý của người thụ hưởng; người được bảo hiểm chết do bị thi hành án tử hình).

+ Người tham gia BHXH, khi đã hưởng lương hưu thì mức lương hưu được điều chỉnh định kỳ theo chỉ số giá tiêu dùng và mức tăng trưởng kinh tế. Trong thực tế, gần như hàng năm Nhà nước đều điều chỉnh tăng lương hưu. Chỉ tính riêng cho giai đoạn từ năm 2003 đến nay, Chính phủ nhiều lần điều chỉnh lương hưu với mức tăng từ khoảng 7,5 đến 9,3 lần (tùy theo nhóm đối tượng) so với mức lương hưu tại thời điểm năm 2002. Ngoài ra trong toàn bộ thời gian hưởng lương hưu người lao động được quỹ BHXH trả kinh phí để cấp thẻ BHYT và được hưởng các quyền lợi về khám, chữa bệnh bình đẳng với mọi người khác

mà không phụ thuộc vào mức phí tham gia, loại bệnh... Khi người hưởng qua đời, người lo mai táng còn được hưởng trợ cấp mai táng bằng 10 tháng lương cơ sở tại thời điểm chết, thân nhân được hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp hàng tháng hoặc một lần). Đây là ưu điểm vượt trội của BHXH. Đối với bảo hiểm nhân thọ, quyền lợi được hưởng theo hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra, trong trường hợp rủi ro mà doanh nghiệp bảo hiểm phá sản thì người tham gia có thể mất hết quyền lợi.

Như vậy, có thể nói người tham gia BHXH khi hưởng lương hưu được hưởng rất nhiều quyền lợi và chính lương hưu mới là cứu cánh cho người lao động khi về già, khi mà không còn khả năng để lao động tạo thu nhập. Đây là ưu điểm vượt trội của BHXH so với bảo hiểm nhân thọ.

Trên đây là những nội dung trọng tâm cần triển khai tuyên truyền kịp thời, đảm bảo việc thực hiện đạt hiệu quả cao. BHXH Việt Nam yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai sớm và báo cáo kết quả thực hiện về BHXH Việt Nam (Trung tâm Truyền thông) theo quy định./.

Công văn số 3468/TCT-CS ngày 04/8/2017 của Tổng Cục thuế về việc thu tiền thuê đất

Trả lời công văn số 2049/CT-QLCKTTĐ ngày 21/6/2017 của Cục Thuế tỉnh Nghệ An về việc thu tiền thuê đất của Công ty TNHH Thanh Thành Đạt, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định: “2. Tiền thuê đất, thuê mặt nước được thu kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp thời điểm bàn giao đất, mặt nước trên thực địa không đúng với thời điểm ghi trong quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước thì thu tiền thuê đất, thuê mặt nước theo thời điểm bàn giao đất, mặt nước.”

“ Tại Điểm i Khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013 quy định:

“1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

.....

1) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ

đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.”

Tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư 2014 quy định:

1. Dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

.....

g) Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật này;”

Căn cứ các quy định trên, việc xác định nghĩa vụ tài chính về thu tiền thuê đất của dự án ngừng sản

xuất kinh doanh trên cơ sở kết luận của của cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu tư đảm bảo theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về thu tiền thuê đất. Đối với dự án đầu tư xây dựng Nhà máy đúc cán thép và Xưởng sửa chữa cơ khí của Công ty TNHH Thanh Thành Đạt tại Khu A Khu Công nghiệp Nam Cẩm chưa được triển khai thực hiện do không có đường vào thực hiện dự án nhưng Công ty phát triển Khu công nghiệp Nghệ An và Công ty TNHH Thanh Thành Đạt vẫn lập biên bản bàn giao đất trên thực địa, quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê đất vẫn được thực hiện. Để có cơ sở xem xét, giải quyết chính sách thu tiền thuê đất theo quy định, đề nghị Cục Thuế tỉnh Nghệ An phối hợp với các cơ quan chức năng xác định thực trạng và xem lại biên bản trước đây đã bàn giao thực tế, nguyên nhân của việc chậm thi công đường, có biên bản liên ngành xác định lại nội dung này; từ đó có ý kiến đề xuất với cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế tỉnh Nghệ An biết./.

DANH MỤC VĂN BẢN NỘI BỘ*

Ký hiệu văn bản	Ngày/tháng ban hành	Tên loại và trích yếu nội dung	Hiệu lực văn bản
03/QĐ-HĐQT-DVKT	26/03/2009	Quy chế Người đại diện của PVPS tại các doanh nghiệp khác	Hiệu lực kể từ ngày ký
63/QĐ-DVKT	29/03/2010	Quy định chức năng, nhiệm vụ của người điều phối theo dõi HĐ bảo trì dài hạn Nhà máy điện Cà Mau giữa PVPS & Siemens	Hiệu lực kể từ ngày ký
43/QĐ-HĐQT.PVPS	08/09/2010	Quy chế quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
52/QĐ-HĐQT.PVPS	04/10/2010	Quy trình công bố thông tin của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
33/QĐ-HĐQT-DVKT	20/05/2011	Quy chế đào tạo của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
119/QĐ-HĐQT-DVKT	13/08/2013	Quy chế Tài chính sửa đổi của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký

240/QĐ-HĐQT	09/12/2014	Quy chế thực hiện dân chủ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
140/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế Hội nghị người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
141/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
165/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định tiêu chuẩn bậc an toàn chung, bậc an toàn điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
166/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
167/QĐ-DVKT	20/03/2015	Các nguyên tắc an toàn cơ bản của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
168/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy trình quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
171/QĐ-DVKT	20/03/2015	Phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định phân công trách nhiệm trong công tác an toàn – vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
173/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
174/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định quản lý nhà thầu phụ trong công tác An toàn lao động và vệ sinh môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
220/QĐ-DVKT	08/04/2015	Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc và xét nâng lương	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
731/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
732/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định phân định trách nhiệm trong công tác An toàn vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
766/QĐ-DVKT	05/06/2015	Quy định quản lý hợp đồng kinh tế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
811/QĐ-DVKT	17/07/2015	Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

814/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định trực xử lý sự cố Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
815/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định đào tạo tay nghề tại chỗ	Hiệu lực kể từ ngày ký
816/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định nghiệm thu nội bộ thiết bị sau bảo dưỡng – sửa chữa của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
177/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý (chuyên trách) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
178/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế trả lương sửa đổi cho CBCNV công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
807/QĐ-DVKT	26/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và bảo dưỡng palăng xích của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
832/QĐ-DVKT	30/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa tời điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
837/QĐ-DVKT	03/08/2015	Quy định thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật	Hiệu lực kể từ ngày ký
1160/QĐ-DVKT	16/11/2015	Thỏa ước lao động tập thể	Hiệu lực kể từ ngày ký
1161/QĐ-DVKT	16/11/2015	Nội quy lao động	Hiệu lực kể từ ngày ký
1180/QĐ-DVKT	26/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
1215/QĐ-DVKT	16/12/2015	Quy định về công tác quản lý văn bản của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
1245/QĐ-DVKT	29/12/2015	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
1285/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình tổ chức sáng kiến	Hiệu lực kể từ ngày ký
1287/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình lập, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ báo cáo của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
23/QĐ-HĐQT-DVKT	15/01/2016	Quy trình quản lý vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký

31/QĐ-DVKT	19/01/2016	Quy trình nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
69/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn hóa chất	Hiệu lực kể từ ngày ký
70/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
71/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn khi hàn điện-hàn hơi.	Hiệu lực kể từ ngày ký
72/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao	Hiệu lực kể từ ngày ký
73/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực	Hiệu lực kể từ ngày ký
74/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	Hiệu lực kể từ ngày ký
75/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
30/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
32/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
45/QĐ/HĐQT-DVKT	03/03/2016	Quy chế thi đua, Khen thưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
164/QĐ-DVKT	18/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp.	Hiệu lực kể từ ngày ký
172/QĐ-DVKT	23/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn làm việc trong điều kiện có khí Hydro của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
187/QĐ-DVKT	30/03/2016	Quy định về quản lý công nợ	Hiệu lực kể từ ngày ký
106/QĐ/HĐQT-DVKT	05/04/2016	Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
126/QĐ/HĐQT-DVKT	22/04/2016	Quy chế chi tiêu nội bộ	Hiệu lực kể từ ngày ký
330/QĐ-DVKT	09/06/2016	Quy định công tác quản lý công cụ dụng cụ	Hiệu lực kể từ ngày ký

175/QĐ/HĐQT-DVKT	10/06/2016	Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
367/QĐ-DVKT	22/06/2016	Quy định công tác phối hợp giữa các phòng/đơn vị	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
390/QĐ-DVKT	30/06/2016	Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của Website Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
709/QĐ-DVKT	22/09/2016	Hướng dẫn làm việc an toàn trong không gian hạn chế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
740/QĐ-DVKT	10/10/2016	Quy định quản lý chấm công lao động tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
760/QĐ-DVKT	24/10/2016	Quy định chức năng nhiệm vụ Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
804/QĐ-DVKT	08/11/2016	Quy định tiêu chuẩn công nhân kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
324/QĐ/HĐQT-DVKT	06/12/2016	Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
877/QĐ-DVKT	12/12/2016	Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
329/QĐ/HĐQT-DVKT	14/12/2016	Quy chế thưởng an toàn Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
881/QĐ-DVKT	15/12/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
885/QĐ-DVKT	21/12/2016	Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
154/QĐ-DVKT	28/4/2017	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá tập thể và CBCNV Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
189/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Sổ tay chất lượng và môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
190/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát tài liệu	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
191/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát hồ sơ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
192/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình đánh giá nội bộ (QT-03)	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

193/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Xử lý sự không phù hợp và hành động khắc phục	Hiệu lực kể từ ngày ký
194/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tuyển dụng, tiếp nhận, thử việc	Hiệu lực kể từ ngày ký
195/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức đào tạo	Hiệu lực kể từ ngày ký
196/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý cơ sở hạ tầng, thiết bị văn phòng	Hiệu lực kể từ ngày ký
197/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc ban hành và áp dụng Quy trình Xác định và quản lý rủi ro chất lượng – an toàn – môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
198/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình quản lý kỹ thuật	Hiệu lực kể từ ngày ký
199/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tổ chức triển khai và nghiệm thu sửa chữa Đại tu, Trung tu, Tiểu tu Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký
200/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tổ chức sáng kiến cải tiến kỹ thuật	Hiệu lực kể từ ngày ký
201/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình tiếp nhận và xử lý phản hồi, khiếu nại của Khách hàng/các bên hữu quan	Hiệu lực kể từ ngày ký
202/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình rao đổi thông tin liên lạc	Hiệu lực kể từ ngày ký
203/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Tiếp cận, tuân thủ, giám sát các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác	Hiệu lực kể từ ngày ký
204/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp	Hiệu lực kể từ ngày ký
205/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro	Hiệu lực kể từ ngày ký
206/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình Nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
207/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy trình kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
208/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định vệ sinh môi trường	Hiệu lực kể từ ngày ký
209/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định quản lý và sử dụng điện, gas	Hiệu lực kể từ ngày ký
210/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định an toàn trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	Hiệu lực kể từ ngày ký

211/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định kiểm tra công tác an toàn sức khỏe môi trường tại các Chi nhánh	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
212/QĐ-DVKT	25/5/2017	Quyết định về việc sửa đổi và áp dụng Quy định về hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
336/QĐ-DVKT	01/8/2017	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quy trình ứng cứu tình huống khẩn cấp QT-MT.03	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

* Văn bản do các phòng chức năng Công ty chủ trì soạn thảo, quản lý.

Biên soạn : Nguyễn Thị Thu Huyền
Kiểm duyệt : Nguyễn Duy Long
Email : pth@pvps.vn/huyenntt@pvps.vn
Điện thoại : 04.37878186 (ext: 213)
Fax : 04. 37878185